bì lǔ

秘鲁

proper noun (country) · Peru

Example Sentences

bì lǔ yǐ mǎ qiū bǐ qiū wén míng yú shì
秘鲁以马丘比丘闻名于世。

Peru is famous worldwide for Machu Picchu.

tā jì huà míng nián qù bì lǔ lǚ xíng
他计划明年去秘鲁旅行。

He plans to travel to Peru next year.

Trace each character, then write the word on your own.

秘 秘 秘 秘 秘 秘 秘 秘 秘 秘 秘
秘 秘

鲁 鲁 鲁 鲁 鲁 鲁 鲁 鲁 鲁 鲁 鲁
鲁 鲁 鲁 鲁